

Bản án số: 439/2018/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thành Viên;

2/ Bà Châu Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 - là nhân viên Ngân hàng TMCP S (Giấy ủy quyền số 1558A/2018/ UQ-TTT ngày 02/01/2018).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1957; Địa chỉ: đường N, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lã Ngọc M vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án, ông Lã Ngọc M là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/3/2011 ông Nguyễn Minh H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), loại Thẻ tín dụng quốc tế

Sacombank Visa. Căn cứ thu nhập của ông Hảo, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa số 472074-2850 với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Hảo thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.800.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông Hảo thanh toán cho ngân hàng với số tiền là 24.842.000 đồng thì ngưng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Hảo không có thiện chí trả nợ. Do ông Hảo phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nên ngày 16/12/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Tính đến ngày 15/01/2018, ông H còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 6.425.530 đồng, lãi quá hạn: 5.263.134 đồng. Tổng cộng: 11.688.664 đồng.

Về tiền lãi: cách tính lãi được thực hiện theo thỏa thuận tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Lãi suất hàng tháng do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố đối với toàn bộ dự nợ.

Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông H trả nợ, tuy nhiên ông Hảo chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc cá nhân ông Nguyễn Minh H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 6.425.530 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/9/2018 là 7.024.419 đồng. Tổng cộng: 13.449.949 đồng. Yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 27/9/2018 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Hảo.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Lã Ngọc M vắng mặt có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Nguyễn Minh H được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Minh H có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 30/3/2011). Do phía ông Nguyễn Minh H vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Phúc làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 2300/2017/GUQ-PL&TT ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2017) và ông Nguyễn Hữu Phúc có văn bản ủy quyền lại cho ông Lã Ngọc M làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Giấy ủy quyền số 1558/2017/UQ-TTT ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Giấy ủy quyền số 1558A/2018/UQ-TTT ngày 02 tháng 01 năm 2018), nên Tòa án triệu tập ông Lã Ngọc M để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 09/8/2018 ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 6.425.530 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 30/3/2011 ông Nguyễn Minh H và Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng loại thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa số 472074-2850 với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 30/3/2011) để tiêu dùng cá nhân. Theo Điều 2 của bản “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S” và bản tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn đã nhận được thẻ và đã phát sinh giao dịch lần đầu vào ngày 15/4/2011. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 24.842.000 đồng thì ngưng. Hiện ông H còn nợ số tiền gốc là 6.425.530 đồng, mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng được quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên

Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông H phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông H không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2018 là 7.024.419 đồng theo bảng kê của nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh việc vi phạm hợp đồng, số tiền đã trả cũng như số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[8] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[9] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 27/9/2018 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa số 472074-2850 bao gồm gốc và lãi quá hạn theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 30/3/2011.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 389, Điều 401, Điều 405, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S:

1.1. Buộc ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tiền nợ gốc là 6.425.530 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2018 là 7.024.419 đồng (Bảy triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm mười chín đồng). Tổng cộng là 13.449.949 đồng (Mười ba triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng) phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa số 472074-2850 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 30/3/2011. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Ông Nguyễn Minh H còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2018 theo lãi suất thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng trên số nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 672.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) do ông Nguyễn Minh H chịu;

2.2. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0028303 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Diệp

